



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



ANNUAL REPORT 2020



TW25

CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU - UY TÍN LÀ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

- Cung cấp các sản phẩm thuốc phòng bệnh và chữa bệnh với chất lượng và hiệu quả cao cùng chi phí hợp lý đến với cộng đồng;
- Xây dựng hình ảnh là một doanh sản xuất – kinh doanh dược phẩm uy tín, chất lượng và quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường;
- Không ngừng gia tăng giá trị và lợi ích cho cổ đông, khách hàng và người lao động;
- Góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển ngành dược Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

TÂM NHÌN

Thị trường dược phẩm còn nhiều tiềm năng phát triển, nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc y tế của người dân ngày càng cao, ngân sách dành cho y tế của cộng đồng dân cư tăng trưởng cao qua các năm. Do đó, đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành cần cố gắng nhiều hơn nữa trong việc nghiên cứu phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm dịch vụ...thoả mãn các nhu cầu của khách hàng, riêng Công ty cổ phần Dược phẩm TW25 nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình luôn cải tiến sản phẩm không ngừng, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng, chinh phục khách hàng bằng chất lượng.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Trong đó, dòng sản phẩm uy tín và chất lượng đã được thị trường đánh giá cao như kháng sinh, thuốc giọt.



TW25



GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng về thương hiệu và chất lượng sản phẩm:

- » Huân Chương lao động Hạng II và hạng III;
- » Hàng Việt Nam chất lượng cao từ năm 2008;
- » Giải thưởng Sao Vàng đất Việt, Top 200 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2010, 2011 do Hội Doanh nghiệp Trẻ Việt Nam trao tặng;
- » Top 100 Nhà cung cấp uy tín nhất tại Việt Nam do Bộ Công thương công nhận;
- » Danh hiệu Top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam do Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam Trao tặng;
- » Cúp vàng sản phẩm thương hiệu Việt;
- » Bằng khen đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động của Bộ y tế;
- » Cúp vàng “Vì sức khỏe người Việt”.

Giải thưởng về môi trường:

- » Công ty là một trong 14 đơn vị của Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu XANH-SẠCH-ĐẸP từ năm 2006;
- » Năm 2006 được giải 3, năm 2008 đạt giải khuyến khích và năm 2010 là một trong Top10 đơn vị có thành tích xuất sắc nhất trong công tác bảo vệ môi trường đạt chứng nhận:
- » “Doanh Nghiệp Xanh” của UBND TP.HCM do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM phối hợp với Báo Sài Gòn Giải Phóng trao tặng;
- » Năm 2012 Giải nhất “Doanh Nghiệp Xanh” của UBND TP.HCM do Sở Tài nguyên và
- » Môi trường TP.HCM phối hợp Báo Sài Gòn Giải Phóng trao tặng;
- » Đạt giải “Thương Hiệu Xanh Bền Vững” do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng nhân ngày Môi trường Thế Giới năm 2008, 2009, 2010;
- » Bằng khen vì sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam 2009 do Bộ Tài nguyên và Môi trường trao tặng;
- » Bằng khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc tham gia phong trào trồng cây xanh và hội thi “Môi trường Xanh – Sạch – Đẹp” Thành phố Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng;
- » Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2011 do Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam trao tặng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 (UPHACE) là đơn vị thành viên độc lập trực thuộc Tổng Công ty dược Việt Nam được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/7/2008. Trước khi Cổ phần hóa, tiền thân là sự sát nhập giữa Xí nghiệp Dược phẩm TW21 và Xí nghiệp Dược phẩm TW25. Hoạt động theo cơ chế cổ phần từ ngày 01/7/2007. Bao gồm các Trung tâm, Nhà máy do 02 Xí nghiệp tiếp quản.

- » Trung tâm Quân Dược Viện.
- » Viện bào chế YARON
- » Viện bào chế ALPHA
- » Viện bào chế SIFAP
- » Viện bào chế FARMO
- » Viện bào chế BIOFACM, ZENIT



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25
Tên tiếng Anh	No.25 CENTRAL PHARMACEUTICAL JSC
Tên viết tắt	UPHACE
Mã chứng khoán	UPH
Sàn đăng ký giao dịch	HNX
Biểu tượng của Công ty	
Vốn điều lệ	132.946.410.000 đồng.
Trụ sở chính và nhà máy	448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại	(84-28) 9414967
Fax	(84-28) 9414975
Email	duocphamt25@uphace.vn
Website	www.uphace.vn
Giấy CNĐKKD:	Số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 /6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/4/2018.

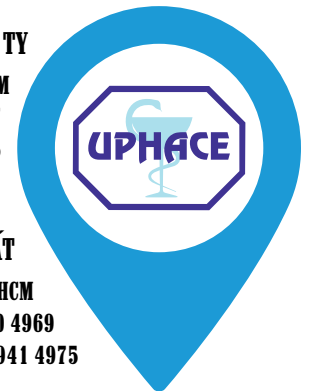
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- » Sản xuất kinh doanh dược phẩm;
- » Sản xuất thực phẩm chức năng;
- » Sản xuất và mua bán mỹ phẩm;
- » Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không sản xuất tại trụ sở);
- » Mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- » Sản xuất và mua bán bao bì bằng giấy, nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- » Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- » Kinh doanh bất động sản...



TRỤ SỞ CÔNG TY
 Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM
 Điện thoại: (84-28) 39414 697
 Fax: (84-28) 3941 4975

XUỞNG SẢN XUẤT
 Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM
 Điện thoại: (84-28) 3940 4969
 Fax : (84-28) 3941 4975



Hiện Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 có 09 phòng ban chức năng và 04 Xưởng sản xuất.

Các phòng ban chức năng của Công ty bao gồm:

Phòng ban chức năng:

- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Hành chính quản trị
- Phòng Marketing
- Phòng Kế hoạch cung ứng
- Phòng điều phối bán hàng
- Phòng Nghiên cứu phát triển
- Phòng Đảm bảo chất lượng
- Phòng Kiểm nghiệm
- Phòng Cơ điện

Xưởng sản xuất:

- Xưởng Non- Betalactamin
- Xưởng Betalactamin
- Xưởng thuốc giọt
- Dây chuyền bảo vệ sức khỏe
- Dây chuyền mỹ phẩm

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị!

Năm 2020 là năm đánh dấu 47 năm hình thành và phát triển Công ty cũng như đánh dấu mốc 13 năm Công ty hoạt động theo cơ chế cổ phần. Theo đó, bên cạnh những thành tích đạt được thì những khó khăn, thách thức mà Công ty đối diện còn rất nhiều.

Tuy nhiên, vì mục tiêu đưa Công ty trở lại vị thế vốn có, trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm uy tín hàng đầu tại Việt Nam thì HĐQT, tập thể CBCNV Công ty sẽ không ngừng nỗ lực, đoàn kết thống nhất một lòng xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Thưa quý vị!

Trong năm 2020, với diễn biến của dịch cúm Covid - 19 đang rất phức tạp đã ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong đó có Công ty chúng ta. Sang năm 2021, diễn biến của dịch bệnh vẫn còn khôn lường đòi hỏi Hội đồng Quản trị phải nỗ lực hết mình để tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ mà ĐHĐCD đã giao, trong đó tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động của nhà máy hiện nay cũng như chờ đợi thời cơ để chuẩn bị cho việc đầu tư xây dựng nhà máy dược phẩm tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo tiêu chuẩn GMP-WHO.

Đây là nhà máy được đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn hiện đại và quy mô lớn với 9 dây chuyền. Sau khi nhà máy đi vào hoạt động, sẽ cung cấp cho thị trường nhiều sản phẩm với nhiều dạng bào chế, đáp ứng đa dạng nhu cầu phòng bệnh và chữa bệnh của người dân trên thế mạnh thương hiệu uy tín và chất lượng đã được tin dùng trong suốt 47 năm hình thành và phát triển Công ty.

Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty trong thời gian qua. Kính mong Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng sẽ tiếp tục đồng hành, gắn bó cùng Công ty trong thời gian tới. Xin kính chúc toàn thể quý vị dồi dào sức khỏe, an khang thịnh vượng, vạn sự như ý.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HĐQT



KS. Nguyễn Chí Linh



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐV tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020
1	Tổng giá trị tài sản	391.641.139.780	391.745.957.418
2	Tổng doanh thu	132.297.302.635	172.223.396.300
3	Lợi nhuận trước thuế	706.752.141	(6.607.725.541)
4	Nộp ngân sách	21,234,351,572	15,400,000,000
5	Tổng quỹ lương	19,732,588,252	19.714.439.418
6	Tiền lương bình quân (người/tháng)	7.908.238	8.630.446
7	Cổ tức (%)	0%	0%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020
1	Cơ cấu tài sản	%	%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	25,91	26,26
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	74,09	73,74
2	Cơ cấu vốn	%	%
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	58,67	60,43
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	41,33	39,57
3	Khả năng thanh toán	Lần	Lần
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,33	0,27
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,27	1,23
4	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần	Lần
	- Vòng quay hàng tồn kho	0,6	0,7
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,29	0,44
5	Khả năng sinh lời	%	%
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	0,18	(1,69)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,98)	(3,98)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	(0,71)	(4,42)
	- Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	(8,15)	(3,54)
6	Thu nhập trên cổ phần (VNĐ/CP)	(86)	(515)



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu vốn điều lệ: Tại thời điểm 31/12/2020:

CHỈ TIÊU	VNĐ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
				TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
Tổng vốn điều lệ	132.946.410.000	100	447	8	441
- Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết	115.100.000.000	86,57	2	2	0
- Cổ đông nắm giữ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	10.048.000.000	7,55	2	2	0
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	7.798.641.000	5,87	443	3	440
- Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Trong đó:					
- Vốn Nhà nước	0	0	0	0	0
- Vốn nước ngoài	0	0	0	0	0

Cổ tức/ Lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2020: Do tình hình kinh doanh năm 2020 không hoàn thành về chỉ tiêu lợi nhuận cho nên HĐQT trình ĐHCĐ không chi trả cổ tức 2020.
- Những thay đổi của cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2020: không có.



Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020:

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện 3 kỳ họp và ban hành 3 Nghị quyết. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp, Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc luôn thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến các thành viên HĐQT. Tất cả buổi họp Hội đồng quản trị đều có sự hiện diện của Ban Kiểm soát..

Ngày 04/3/2020, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 tại Đà Nẵng..

Ngày 24/7/2020, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua cơ cấu nhân sự và tổ chức Công ty năm 2020.



Ngày 05/11/2020, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh chỉ tiêu kinh doanh năm 2020.



Kết quả đầu tư và thực hiện các dự án :

- Về dự án nhà 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM: Hiện nay Công ty và đối tác tiếp tục phối hợp cùng đối tác làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến trạm điện và hành lang tuyến Metro số 4 đi qua khu đất nhằm sớm thi công dự án. Dự kiến bắt đầu khởi công xây dựng vào cuối năm 2021
- Các Khu nhà 41-43 Trần Cao Vân, 142 Nguyễn Đình Chiểu và 200 Pasteur, P.6, Quận 3, TP.HCM: Hiện nay đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển nhượng tài sản theo quy định pháp luật.
- Về lô đất 142 Nguyễn Đình Chiểu và 200 Pasteur: Đối tác đã thanh toán 90% giá trị Hợp đồng. Hiện nay đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tài sản theo quy định pháp luật.
- Về khu đất 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM: Trong khi chờ dự án nhà máy tại KCN Tân Phú Trung được triển khai thì nhà máy hiện tại sẽ tiếp tục được đầu tư hợp lý nhằm duy trì hoạt động và đồng thời Hội đồng Quản trị sẽ tìm phương án khai thác hiệu quả nhất theo đúng quy định để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho nhà máy mới.
- Về dự án nhà máy dược phẩm: Do năm 2021 tình hình nền kinh tế trong nước nói chung và ngành dược phẩm nói riêng gặp nhiều khó khăn vì ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19. Do vậy, Hội đồng Quản trị căn cứ tình hình thực tế nhận định việc đầu tư nhà máy trong giai đoạn này là nhiều rủi ro cho nên sẽ tiếp tục theo dõi tình hình nhằm có sự chuẩn bị tốt nhất về các nguồn lực để quyết định thời điểm đầu tư có hiệu quả. độ đầu tư sang năm 2021 nhằm có sự chuẩn bị tốt nhất về các nguồn lực.

Hoạt động đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Công tác giám sát Ban điều hành được thực hiện thường xuyên, kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ.

Ban điều hành quán triệt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp cụ thể, sáng tạo, tuy nhiên trong quá trình hoạt động có những khó khăn, vướng mắc phát sinh xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan nên chưa hoàn thành tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2020. Cụ thể một số khó khăn, vướng mắc trong năm làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh như sau:

- + Năm 2020 là năm mà nền kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng bị ảnh hưởng nghiêm trọng do dịch Covid- 19. Đại dịch COVID-19 được ví như một “cú đấm chí mạng” với sức tàn phá ghê gớm, giáng vào nền kinh tế thế giới 2020. Theo nhận định của giới chuyên gia kinh tế quốc tế, hậu quả của đại dịch COVID-19 đối với kinh tế toàn cầu sẽ còn dai dẳng. Tốc độ lây lan chóng mặt của COVID-19 đã buộc các quốc gia phải áp đặt các biện pháp phong tỏa và đóng cửa biên giới để chống dịch đã gây ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến tất cả các khâu của quá trình sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng vốn được liên kết trên cấp độ thế giới rơi vào tình trạng tê liệt;

+ Cũng xuất phát từ nguyên nhân trên mà dẫn đến việc Công ty thiếu nguyên liệu sản xuất, hoặc nếu có thì giá thành sản xuất cũng rất cao do chi phí vận chuyển cũng như tình trạng khan hiếm của nguyên liệu vì chủ yếu nhập khẩu từ



Trung Quốc, An Độ nhưng các nước này là nơi dịch bệnh diễn biến phức tạp nhất. **V/v thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT & công bố thông tin:**

+ Tình hình cấp số đăng ký mới, đăng ký lại trong thời gian qua cực kỳ khó khăn. Danh mục mặt hàng của Công ty hiện còn có 22 số đăng ký; mặc dù hồ sơ nộp để đăng ký mới, đăng ký gia hạn tương đối nhiều cũng như Công ty đã nhiều lần gửi văn bản kiến nghị lên Cục Quản lý Dược nhưng đến nay cũng chỉ giải quyết được rất ít hồ sơ;

+ Một số nguyên nhân khác liên quan đến việc xử lý hàng tồn kho các mặt hàng cận date, đầu tư chi phí cho đội ngũ bán hàng, đảm bảo đời sống CBCNV được ổn định trong bối cảnh dịch bệnh ...làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận.

V/v thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020:

TTTrong năm 2020 trong quá trình hoạt động, Công ty gặp một số khó khăn xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bằng nỗ lực của mình, HĐQT đã chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành trong việc cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau: Tổng doanh thu năm 2020 là 172,2 tỷ đồng đạt 137,8 % so với kế hoạch (Kế hoạch là 125 tỷ đồng) và đạt 130% so với cùng kỳ năm 2019. Lợi nhuận trước thuế -6,6 tỉ đồng, đạt 94.3% so với kế hoạch (Kế hoạch sau điều chỉnh là -7 tỉ đồng). Thu nhập bình quân của người lao động là 10,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,0% so với kế hoạch và tăng 11,2% so với năm 2019.

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tế công ty đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư. Ngày 12/6/2020, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế quản trị Công ty theo Nghị định 71/NĐ-CP.

Tiếp tục thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử (IDS) và (CIMS). Công ty đã triển khai thực hiện và tiến hành công bố thông tin đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC, Quy chế Quản trị Công ty ban hành theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Theo tờ trình đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua về mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 100 triệu đồng/tháng. Cụ thể mức chi trả như sau:

STT	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (VNĐ/THÁNG)
1	Chủ tịch HĐQT	6.500.000
2	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020



Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021. Kế hoạch SXKD năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua như sau:

- Doanh thu : 156 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : -3,6 tỉ đồng;
- Cổ tức: sẽ xin ý kiến của ĐHCĐ 2022.

Xem xét và lên phương án đầu tư xây dựng nhà máy dược phẩm vào vào thời điểm phù hợp sau khi chuẩn bị đầy đủ nguồn lực.

Lên phương án sử dụng nguồn tiền từ khai thác các khu đất và phương án huy động vốn để tập trung nguồn lực đầu tư nhà máy dược phẩm.

Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

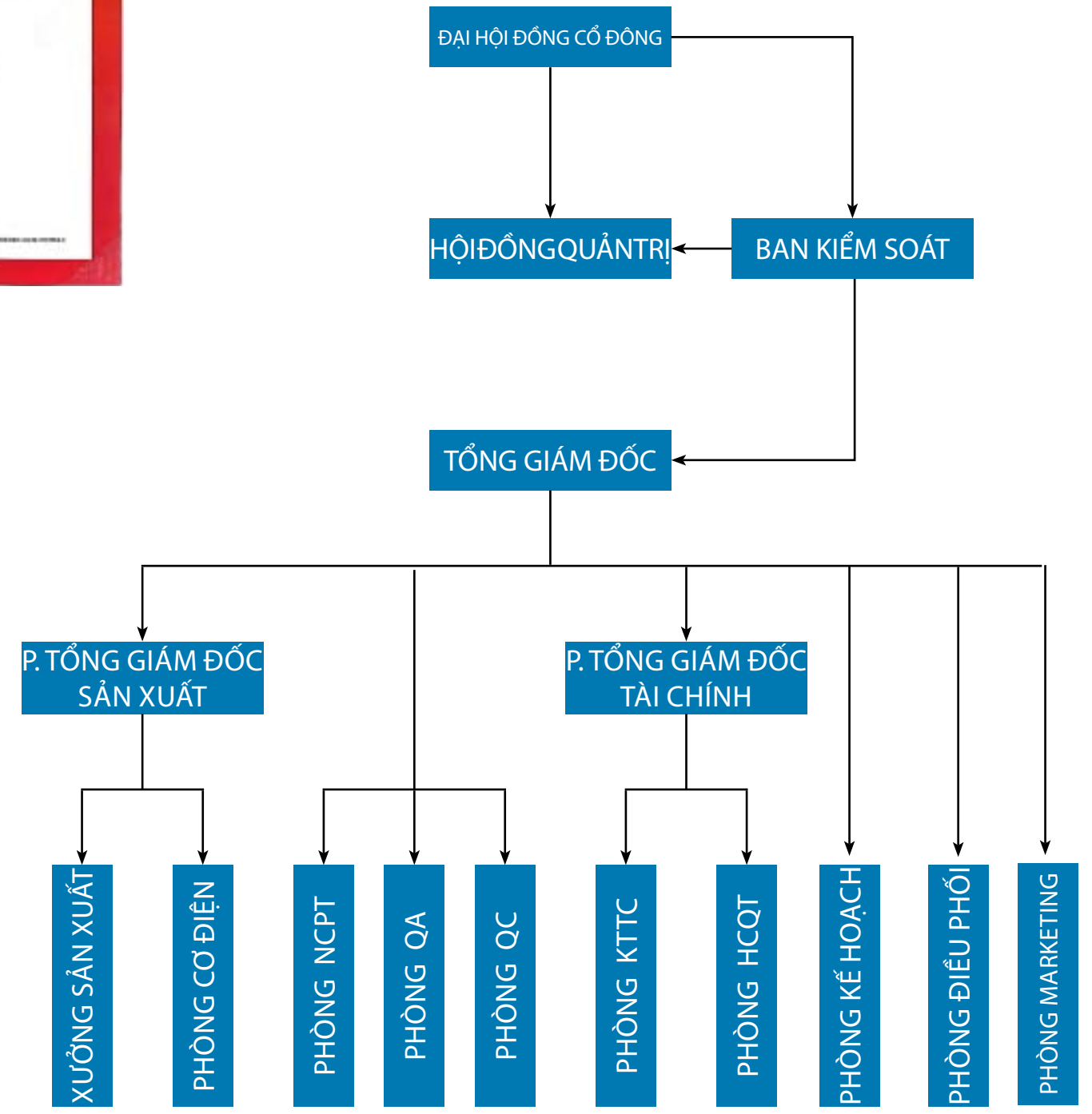
Tạo những bước đột phá trong phát triển sản phẩm mới, tiếp tục thử nghiệm tương đương sinh học cho một số loại sản phẩm; tăng cường phát triển các mặt hàng chủ lực, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm trước nhu cầu ngày càng cao và phong phú của thị trường.

Tiếp tục duy trì hoạt động của nhà máy hiện tại trong khi chờ đủ nguồn lực để đầu tư nhà máy mới.

Định hướng phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ III (2017 - 2022)

Chủ tịch HĐQT - Ông Nguyễn Chí Linh



Ngày sinh : 25/9/1959 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Hà Tĩnh
 CMND : 020263306
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 681B/6 Bùi Đình Túy, P.12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư sinh hóa
 Nơi công tác hiện nay : Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
 Chức vụ hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm OPC
 Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 3.730.000 cổ phần

Quá trình công tác:

Từ năm 1982 – 1987 : Cán bộ phòng Nghiên cứu Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC
 Từ năm 1987 – 1999 : Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC
 Từ năm 1999 – 2002 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC
 Từ năm 2002 – 2006 : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
 Từ năm 2006 – 2009 : Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
 Từ năm 2009 – 03/2011 : Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
 Từ 4/2011 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.

Thành viên HĐQT - Ông Trịnh Xuân Vương



Ngày sinh : 22/12/1955 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Nghệ An
 CMND/Hộ chiếu : 040055000153
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 25 L3 Chiêu Anh Các, P.5, Q.5, TP.HCM
 Địa chỉ liên lạc : 1017 Hồng Bàng, P.12, Q.6, TP.HCM
 Điện thoại liên lạc : 028.37517111
 Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 4.000.000 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
 Quá trình công tác:

Từ năm 1978 - 1990 : Trợ lý kỹ thuật Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC.
 Từ năm 1990 – 2006 : Quản đốc phân xưởng sản xuất cồn Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC.
 Từ năm 2006 – 2009 : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.
 Từ năm 2009 – 3/2011 : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.
 Từ năm 4/2011 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.

Thành viên HĐQT - Ông Trần Anh Vương



Ngày sinh : 15/6/1972 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Thái Bình
 CMND/Hộ chiếu : 012207076
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : P1006, tầng 10 khu CT5, Đôn Nguyên 2, Khu đô thị mới Định Công, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội
 Địa chỉ liên lạc : Công ty CP Capella Việt Nam, tầng 15 số 53 phố Quang Trung, P.Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 0913.201.999
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 3.780.000 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP, chức vụ Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

Từ năm 1999 – 2000 : Phó Giám đốc Công ty TNHH Duy Phương
 Từ năm 2000 – 2008 : Giám đốc Công ty TNHH thép Bắc Việt
 Từ năm 2008 – 2015 : Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty TNHH thép Bắc Việt
 Từ năm 2016 – nay : Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư và phát triển SACOM, Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư BVG, Công ty CP xuất nhập khẩu Tổng hợp I – Việt Nam, Công ty CP Capella Việt Nam.

Thành viên HĐQT - Ông Trịnh Việt Tuấn



Ngày sinh : 02/5/1986 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : TP.HCM
 CMND/Hộ chiếu : 079086002751
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 565/1 Bình Thới, P.10, Q.11, TP.HCM
 Địa chỉ liên lạc : 565/1 Bình Thới, P.10, Q.11, TP.HCM
 Điện thoại liên lạc : 0903.355.780
 Trình độ chuyên môn : Đại học dược cổ truyền, Thạc sĩ bào chế dược phẩm.
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.200 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25

Quá trình công tác:

Từ 8/2013 - nay : Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Trung Quốc.
 Từ tháng 5/2018- nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25

Thành viên HĐQT, Kế toán Trưởng – Ông Tống Trần Hiệp

Ngày tháng năm sinh : 03/7/1991 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Hà Tĩnh
 CMND/Hộ chiếu : 183900054
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Sơn Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh
 Địa chỉ liên lạc : 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM
 Điện thoại liên lạc : 0968.368.222
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán doanh nghiệp.
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25

Quá trình công tác:

Từ 2013 - 2015 : Nhân viên phòng Tài chính - Chi nhánh Viettel Hà Tĩnh - Tập đoàn Viễn thông quân đội.
 Từ 2015 - 10/2016 : Nhân viên Phòng KTTC Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
 Từ 10/2016 - 4/2017 : Phó phòng KTTC Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.
 Từ 4/2017 - nay : Kế Toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**Trưởng Ban Kiểm soát - Bà Trịnh Thị Minh**

Ngày tháng năm sinh : 10/8/1991 Giới tính: Nữ
 Nơi sinh : Nghệ An
 CMND/Hộ chiếu : 025720961
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 43/4 Đường 42, KP8, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP.HCM
 Địa chỉ liên lạc : 336/20B Nguyễn Văn Luông, P.12, Q.6, TP.HCM
 Điện thoại liên lạc : 01227700556
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính.
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.

Quá trình công tác:

Từ 06/2013 - 08/2014 : Kế toán bán hàng - Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.
 Từ 01/2016 - nay : Phụ trách nhân sự - kế toán ngân hàng Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.

Thành viên Ban kiểm soát - Ông Nguyễn Văn Khải

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1970 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Hà Nội
 CMND/Hộ chiếu : 011469990
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 01 ngách 128/2 Hoàng Văn Thái, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
 Địa chỉ liên lạc : 1906 - CT1-103 Usilk city, KĐT Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 0986.066.909
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Quá trình công tác:

Từ 2008 - 2010 : Phó phòng tư vấn TCDN - Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
 Từ 2010 - 2011 : Phó phòng tư vấn TCDN - Công ty CP chứng khoán Phố Wall.
 Từ 7/2011 - 11/2011 : Trưởng phòng tư vấn TCDN Công ty CP chứng khoán Phương Nam.
 Từ 11/2011 - 2015 : Kế toán Trưởng Công ty CP Quốc tế Nam Thành.
 Từ 6/2015 - 02/2017 : Chuyên viên Phòng KTTC, Chuyên viên Phòng KHĐT - Tổng Công ty Dược Việt Nam.
 Từ 3/2017 0 - Nay : Trưởng Ban kiểm soát - Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Thành viên Ban kiểm soát - Ông Đặng Quốc Việt

Ngày tháng năm sinh : 22/12/1962 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Hà Nội
 CMND/Hộ chiếu : 022752823
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 122/10 Phan Văn Hân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
 Địa chỉ liên lạc : 130/1 Điện Biên Phủ, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
 Điện thoại liên lạc : 0909.942.357
 Trình độ chuyên môn : Trung cấp
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 7.133 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25

Quá trình công tác:

Từ 1984 – 1985 : Công nhân viên Xí nghiệp Dược phẩm TW25.
 Từ 1985 – 1988 : Trung sĩ tiểu đoàn 100 – Quân đoàn 4.
 Từ 1988 – 2007 : Công nhân viên Xí nghiệp Dược phẩm TW25.
 Từ 2007 – 2010 : Nhân viên xuất nhập khẩu phòng Kế hoạch – Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.
 Từ 2011 – 10/2016 : Phó Giám đốc bán hàng khu vực Miền đông, Miền trung và Cao nguyên - - Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.
 Từ 10/2016 – Nay : Giám đốc điều phối – Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc - Ông Trịnh Việt Tuấn

Ngày sinh : 02/5/1986 Giới tính: Nam
Nơi sinh : TP.HCM
CMND/Hộ chiếu : 079086002751
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 565/1 Bình Thới, P.10, Q.11, TP.HCM
Địa chỉ liên lạc : 565/1 Bình Thới, P.10, Q.11, TP.HCM
Điện thoại liên lạc : 0903.355.780
Trình độ chuyên môn : Đại học dược cổ truyền, Thạc sĩ bào chế dược phẩm.
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.200 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25



Quá trình công tác:

Từ 8/2013 - nay : Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Trung Quốc.
Từ tháng 5/2018- nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25

Phó Tổng Giám đốc tài chính - Ông Ngô Tân Long

Ngày sinh : 10/09/1976 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Hà Nội
CMND : 023090409
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính
Địa chỉ thường trú : 152 Đường 130 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP.HCM
Quê quán : Quảng Bình
Điện thoại : 0983.777.990



Quá trình công tác:

Từ 2005 - 05/2010 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng CTy TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương
Từ 04/2011 - 04/2017 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
Từ 04/2017 - nay : Phó TGD Tài chính CTy Cổ phần Dược phẩm TW25, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chức vụ hiện nay : Phó TGD Tài chính Công ty CPDPTW25.

Số cổ phần nắm giữ : 1.000 cổ phần.

Những người có liên quan : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc cũng được tính theo định mức lương mà Công ty đã xây dựng. Cụ thể:

- » Tổng Giám đốc: 60 triệu đồng/tháng
- » Phó Tổng Giám đốc: từ 22 triệu đồng/tháng đến 26 triệu đồng/tháng.
- » Kế toán Trưởng: 22 triệu đồng/tháng.



Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

Tình hình lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2020 là 182 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Số lao động đầu	186 người
Lao động tăng	46 người
Lao động Giảm	42 người
Số lao động cuối kỳ	186 người
Trong đó lao động Nữ 111 lao động chiếm 59,6% cơ cấu lao động.	
Lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn	114 người
Lao động ký HĐLĐ từ 12-36 tháng	72 người
Lao động trong thời gian thử việc	03 người



Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn

Tiến sĩ (Được 01)	: 01 người chiếm 06% cơ cấu lao động;
Thạc sĩ (Được 01)	: 01 người chiếm 1,1% cơ cấu lao động;
Đại học (Được 31)	: 73 người chiếm 28,4% cơ cấu lao động;
Cao đẳng (Được 07)	: 16 người chiếm 5,7% cơ cấu lao động;
Trung cấp (Được 30)	: 45 người chiếm 26,1% cơ cấu lao động;
Công nhân kỹ thuật, LĐPT	: 50 người chiếm 38,1% cơ cấu lao động.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.



Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng
Đào tạo: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Công ty tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn TP.HCM. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tiêu chuẩn G.M.P. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động



thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khóa huấn luyện,...

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, hệ số lương được xác lập dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải

tiến phương pháp làm việc,... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp



luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra, hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần.

**Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/
thành viên Hội đồng thành viên/
Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Ngày 25/3/2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã bầu Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2017-2022) với các thành viên sau:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2017 – 2022) bao gồm:

STT	HỌ & TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Chí Linh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên HĐQT
3	Ông Trần Anh Vương	Thành viên HĐQT
4	Ông Trịnh Việt Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Ông Tống Trần Hiệp	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2017– 2022) bao gồm:

STT	HỌ & TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trịnh Thị Minh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên BKS
3	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên BKS



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG





TW25

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25

Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 39414 697 | Fax: (84-28) 3941 4975

Website: www.uphace.vn

Hotline: **1900.23.23.53**

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 25 theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300468511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 6 năm 2007 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán là UPH do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 448B, Đường Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Linh	Chủ tịch
Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên
Ông Trịnh Việt Tuấn	Thành viên
Ông Trần Anh Vương	Thành viên
Ông Tống Trần Hiệp	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trịnh Thị Minh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Khái	Thành viên
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Việt Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Tân Long	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Chí Linh và Ông Trịnh Việt Tuấn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trịnh Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số tham chiếu: 61519112/21953028

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (“Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

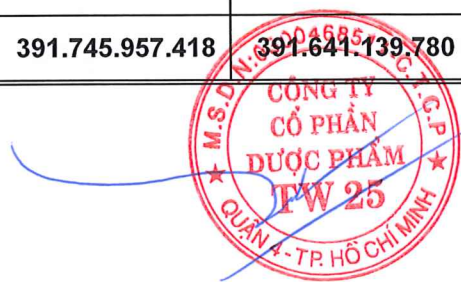
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		288.883.484.605	290.184.632.052
110	I. Tiền	4	8.251.517.063	16.333.159.577
111	1. Tiền		8.251.517.063	16.333.159.577
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		30.335.041.309	35.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	30.335.041.309	35.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.348.279.662	18.850.789.859
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	32.342.287.847	32.965.181.354
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.811.948.913	1.205.943.427
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.132.995.405	5.231.350.666
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(20.938.952.503)	(20.551.685.588)
140	IV. Hàng tồn kho	9	225.723.309.780	215.197.059.769
141	1. Hàng tồn kho		226.771.851.578	216.245.601.567
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.048.541.798)	(1.048.541.798)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.225.336.791	4.803.622.847
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		217.480.002	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.007.856.789	4.803.622.847
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		102.862.472.813	101.456.507.728
210	I. Phải thu dài hạn		3.761.660.200	3.744.660.200
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.761.660.200	3.744.660.200
220	II. Tài sản cố định		30.518.471.222	29.063.760.959
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	30.518.471.222	29.063.760.959
222	Nguyên giá		109.673.585.834	105.284.034.964
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(79.155.114.612)	(76.220.274.005)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		334.130.000	334.130.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(334.130.000)	(334.130.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.731.563.714	11.035.903.561
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.731.563.714	11.035.903.561
260	IV. Tài sản dài hạn khác		55.850.777.677	57.612.183.008
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	55.735.264.502	57.532.721.941
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	115.513.175	79.461.067
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		391.745.957.418	391.641.139.780

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		236.715.724.027	229.761.327.058
310	I. Nợ ngắn hạn		235.590.918.544	228.662.355.208
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	8.850.111.810	8.088.584.317
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	210.360.078.822	209.334.894.561
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	633.565.846	4.123.245.325
314	4. Phải trả người lao động		3.731.141.476	3.865.076.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.511.887.144	1.592.987.622
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.181.927.499	1.107.410.732
320	7. Vay ngắn hạn	17	7.901.600.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	420.605.947	550.156.147
330	II. Nợ dài hạn		1.124.805.483	1.098.971.850
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	3.11	577.565.874	397.305.333
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		547.239.609	701.666.517
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		155.030.233.391	161.879.812.722
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	155.030.233.391	161.879.812.722
411	1. Vốn cổ phần		132.946.410.000	132.946.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		132.946.410.000	132.946.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.589.282.000	17.589.282.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.490.339.501	12.490.339.501
421	4. Lỗ lũy kế		(7.995.798.110)	(1.146.218.779)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(1.146.218.779)	-
421b	- Lỗ năm nay		(6.849.579.331)	(1.146.218.779)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		391.745.957.418	391.641.139.780

Tổng Trần Hiệp
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Trịnh Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	172.223.396.300	132.297.302.635
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	8.727.929	15.777.398.373
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	172.214.668.371	116.519.904.262
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	154.008.593.204	102.883.920.079
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.206.075.167	13.635.984.183
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	2.386.860.607	1.733.545.818
22	7. Chi phí tài chính	22	470.233.574	591.078.550
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		414.005.166	268.518.955
25	8. Chi phí bán hàng	23	13.568.605.277	11.766.611.339
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.652.971.294	12.502.937.643
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.098.874.371)	(9.491.097.531)
31	11. Thu nhập khác	24	1.000.000	10.197.849.672
32	12. Chi phí khác	24	509.851.170	-
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	24	(508.851.170)	10.197.849.672
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.607.725.541)	706.752.141
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	277.905.898	1.932.431.987
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	(36.052.108)	(79.461.067)
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(6.849.579.331)	(1.146.218.779)
70	18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	19.5	(515)	(86)
71	19. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	19.5	(515)	(86)

Tổng Trần Hiệp
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Trịnh Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.607.725.541)	706.752.141
	<i>Điều chỉnh cho:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	25	3.238.240.699	3.676.049.895
03	Các khoản dự phòng		567.527.456	1.024.353.772
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(11.043.792)	(1.537.339)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(2.239.066.215)	(11.423.111.278)
06	Chi phí lãi vay	22	414.005.166	268.518.955
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.638.062.227)	(5.748.973.854)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(991.949.565)	40.385.665.359
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(10.526.250.011)	12.099.285.323
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		828.354.025	(7.537.964.142)
12	Tăng chi phí trả trước		(115.682.716)	(36.660.625.580)
14	Tiền lãi vay đã trả		(414.005.166)	(268.518.955)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.932.431.987)	(3.250.751.922)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(129.550.200)	(776.742.285)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(17.919.577.847)	(1.758.626.056)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua tài sản cố định		(4.847.377.870)	(8.112.701.255)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	31.395.761.346
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(32.000.000.000)
24	Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		4.664.958.691	-
27	Tiền lãi nhận được		2.125.025.120	1.606.001.157
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.942.605.941	(7.110.938.752)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	23.601.787.354	9.858.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(15.700.187.354)	(14.621.400.000)
36	Cổ tức đã trả	19.4	(17.314.400)	(3.967.397.910)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		7.884.285.600	(8.730.797.910)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.092.686.306)	(17.600.362.718)
60	Tiền đầu năm		16.333.159.577	33.931.984.956
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.043.792	1.537.339
70	Tiền cuối năm	4	8.251.517.063	16.333.159.577

Tổng Trần Hiệp
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Trịnh Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 25 theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300468511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 6 năm 2007 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã chứng khoán là UPH do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 448B Đường Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 187 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 186 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
dụng cụ

Thành phẩm và chi phí sản - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi
xuất, kinh doanh dở dang phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	2 - 3 năm
Khác	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc vào ngày 18 tháng 12 năm 2018 trong thời hạn 36 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	560.030.660	582.944.184
Tiền gửi ngân hàng	7.691.486.403	15.750.215.393
TỔNG CỘNG	8.251.517.063	16.333.159.577

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá một năm và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 7,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	26.996.388.717	31.290.325.613
- Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	12.825.176.072	12.825.176.072
- Khác	14.171.212.645	18.465.149.541
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	5.345.899.130	1.674.855.741
TỔNG CỘNG	32.342.287.847	32.965.181.354
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.337.151.705)	(17.025.834.030)
GIÁ TRỊ THUẦN	15.005.136.142	15.939.347.324

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Kim Nam Thịnh	580.635.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Sagen	500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dững Phát	431.200.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phúc Nguyên	332.361.018	-
Công ty Cổ phần Misa	141.695.000	141.695.000
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Thiên An	-	535.150.000
Khác	826.057.895	529.098.427
TỔNG CỘNG	2.811.948.913	1.205.943.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.132.995.405	5.231.350.666
Phải thu tiền thuê đất từ Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	3.601.800.798	3.601.800.798
Tạm ứng cho nhân viên	1.213.719.694	1.141.372.726
Khác	317.474.913	488.177.142
Dài hạn	3.761.660.200	3.744.660.200
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long (*)	3.636.096.600	3.636.096.600
Ký cược, ký quỹ	125.563.600	108.563.600
TỔNG CỘNG	8.894.655.605	8.976.010.866
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(3.601.800.798)	(3.525.851.558)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.292.854.807	5.450.159.308

(*) Khoản phải thu này thể hiện giá trị căn nhà được Công ty góp vào Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 ("Hợp đồng số 24") với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long để xây dựng Cao ốc Master tọa lạc tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát (Thuyết minh số 14).

8. NỢ XẤU

	VND		
	Số cuối năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	16.426.976.870	(16.426.976.870)	-
Khác	4.823.293.310	(4.511.975.633)	311.317.677
TỔNG CỘNG	21.250.270.180	(20.938.952.503)	311.317.677
	Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	16.426.976.870	(16.351.027.630)	75.949.240
Khác	4.200.657.958	(4.200.657.958)	-
TỔNG CỘNG	20.627.634.828	(20.551.685.588)	75.949.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa				
bất động sản (*)	160.622.501.912	-	160.622.501.912	-
Nguyên vật liệu	38.503.856.110	(1.048.541.798)	30.555.207.026	(1.048.541.798)
Thành phẩm	24.327.123.409	-	22.389.272.918	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.218.551.820	-	2.605.497.366	-
Công cụ, dụng cụ	62.138.327	-	67.667.800	-
Hàng hóa	37.680.000	-	5.454.545	-
TỔNG CỘNG	<u>226.771.851.578</u>	<u>(1.048.541.798)</u>	<u>216.245.601.567</u>	<u>(1.048.541.798)</u>

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đang trong quá trình chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (Thuyết minh số 14).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.048.541.798	1.213.633.299
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(165.091.501)
Số cuối năm	<u>1.048.541.798</u>	<u>1.048.541.798</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	38.973.526.498	62.447.837.723	2.713.306.813	1.149.363.930	105.284.034.964
Mua mới	69.000.000	4.778.377.870	-	-	4.847.377.870
Thanh lý	-	(457.827.000)	-	-	(457.827.000)
Số cuối năm	39.042.526.498	66.768.388.593	2.713.306.813	1.149.363.930	109.673.585.834
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.622.952.541	41.452.751.863	1.131.924.995	636.982.640	44.844.612.039
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	18.379.595.007	54.843.616.401	1.918.508.555	1.078.554.042	76.220.274.005
Khấu hao trong năm	1.131.260.914	2.063.639.709	185.210.652	12.566.332	3.392.667.607
Thanh lý	-	(457.827.000)	-	-	(457.827.000)
Số cuối năm	19.510.855.921	56.449.429.110	2.103.719.207	1.091.110.374	79.155.114.612
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	20.593.931.491	7.604.221.322	794.798.258	70.809.888	29.063.760.959
Số cuối năm	19.531.670.577	10.318.959.483	609.587.606	58.253.556	30.518.471.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Số cuối năm thể hiện các chi phí liên quan đến khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thẩm định, thiết kế nhằm mục đích xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	55.046.257.967	57.441.854.151
Công cụ, dụng cụ	689.006.535	90.867.790
TỔNG CỘNG	55.735.264.502	57.532.721.941

(*) Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước phát sinh từ hợp đồng thuê đất số 109/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 12 tháng 10 năm 2018 đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để thuê lại cơ sở hạ tầng tại Lô B5-4, khu B5, đường D2, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.866 m² cho mục đích xây dựng nhà máy. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 1 năm 2019) đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2054.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	8.118.611.810	7.210.784.317
- Công ty TNHH MTV Phước Hưng	1.113.428.250	-
- Công ty TNHH Tùng Lâm	2.928.639.340	-
- Công ty Thương mại Vận tải & XNK Anh Duy	938.990.580	-
- Khác	3.137.553.640	7.210.784.317
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	731.500.000	877.800.000
TỔNG CỘNG	8.850.111.810	8.088.584.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN
(tiếp theo)

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh (i)	178.082.838.961	178.082.838.961
Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Kinh Doanh An Phát (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
Khác	1.027.239.861	2.055.600
TỔNG CỘNG	210.360.078.822	209.334.894.561

- (i) Đây là khoản tiền nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh ("INDECO") theo Hợp đồng hợp tác, đầu tư và chuyển giao bất động sản số 58/TW25-INDECO ký ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty và INDECO để đầu tư xây dựng Cao ốc Văn Phòng trên thửa đất tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, Công ty và INDECO cũng đã ký kết hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) số 59/TW25-INDECO cho dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên thửa đất tại số 120 Hai Bà Trưng. Theo đó, mọi công việc, thủ tục, chi phí liên quan đến xây dựng và hoàn thành cao ốc sẽ do INDECO thực hiện và chịu mọi chi phí. Sau khi cao ốc văn phòng này được xây dựng xong và hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty sẽ chuyển nhượng khu đất và cao ốc văn phòng cho INDECO.
- (ii) Đây là tiền đặt cọc theo Hợp đồng Chuyển nhượng số 68/2017/HĐCN/SPEC/TW-25 ký ngày 2 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam để chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và quyền khai thác và phát triển dự án trên khu đất tọa lạc tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 75.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.
- (iii) Theo Hợp đồng Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 18/2017/HĐCN/TW25-HLV ký ngày 31 tháng 3 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt, Công ty sẽ chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng số 24 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long và quyền thuê khu đất tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt. Giá chuyển nhượng quyền khai thác đối với khu đất phát sinh từ Hợp đồng số 24 là 5.000.000.000 VND. Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng số 24 cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát thông qua Thỏa thuận Ký kết số 19/2018-BBTT và Hợp đồng Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 20/2018/HĐCN/TW25-AP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.097.384.995	277.905.898	(1.932.431.987)	442.858.906
Thuế thu nhập cá nhân	207.815.138	940.916.443	(988.822.191)	159.909.390
Thuế giá trị gia tăng	-	2.902.857.859	(2.872.060.309)	30.797.550
Thuế khác	1.818.045.192	7.726.093.156	(9.544.138.348)	-
TỔNG CỘNG	<u>4.123.245.325</u>	<u>11.847.773.356</u>	<u>(15.337.452.835)</u>	<u>633.565.846</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí hoa hồng	2.505.847.144	1.577.119.622	
Khác	6.040.000	15.868.000	
TỔNG CỘNG	<u>2.511.887.144</u>	<u>1.592.987.622</u>	

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Nhận đặt cọc	396.000.000	396.000.000	
Cổ tức phải trả	261.274.439	278.588.839	
Kinh phí công đoàn	265.390.907	234.497.563	
Khác	259.262.153	198.324.330	
TỔNG CỘNG	<u>1.181.927.499</u>	<u>1.107.410.732</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

	VND
	<i>Vay ngân hàng</i>
Số đầu năm	-
Vay	23.601.787.354
Trả nợ vay	(15.700.187.354)
Số cuối năm	<u>7.901.600.000</u>

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>7.901.600.000</u>	Ngày 8 tháng 3 năm 2021	5,8	Tiền gửi có kỳ hạn

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	550.156.147	511.114.833
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	-	815.783.599
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(129.550.200)</u>	<u>(776.742.285)</u>
Số cuối năm	<u>420.605.947</u>	<u>550.156.147</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỡ lấy kê)	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	132.946.410.000	17.589.282.000	8.586.354.892	8.708.160.508	167.830.207.400
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.146.218.779)	(1.146.218.779)
Cổ tức công bố	-	-	-	(3.988.392.300)	(3.988.392.300)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(815.783.599)	(815.783.599)
Phân phối quỹ	-	-	3.903.984.609	(3.903.984.609)	-
Số cuối năm	132.946.410.000	17.589.282.000	12.490.339.501	(1.146.218.779)	161.879.812.722
Năm nay					
Số đầu năm	132.946.410.000	17.589.282.000	12.490.339.501	(1.146.218.779)	161.879.812.722
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(6.849.579.331)	(6.849.579.331)
Số cuối năm	132.946.410.000	17.589.282.000	12.490.339.501	(7.995.798.110)	155.030.233.391

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Số lượng cổ phiếu phổ thông	Giá trị (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	7.730.000	77.300.000.000	58,14
Tổng Công ty Dược Việt Nam	3.780.000	37.800.000.000	28,43
Khác	1.784.641	17.846.410.000	13,43
TỔNG CỘNG	13.294.641	132.946.410.000	100,00

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.294.641	13.294.641
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.294.641	13.294.641
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.294.641	13.294.641

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

19.4 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	-	3.988.392.300
Cổ tức đã trả trong năm	17.314.400	3.967.397.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.849.579.331)	(1.146.218.779)
	-	-
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	(6.849.579.331) 13.294.641	(1.146.218.779) 13.294.641
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)</i>	(515)	(86)
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)</i>	(515)	(86)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	172.223.396.300	132.297.302.635
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	170.749.491.370	130.689.547.615
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.473.904.930	1.607.755.020
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.727.929)	(15.777.398.373)
Hàng bán bị trả lại	(8.727.929)	(15.777.398.373)
TỔNG CỘNG	172.214.668.371	116.519.904.262
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	60.249.056.577	599.368.224
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	111.965.611.794	115.920.536.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.239.066.215	1.720.042.252
Lãi chênh lệch tỷ giá	147.794.392	13.503.566
TỔNG CỘNG	2.386.860.607	1.733.545.818

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	153.288.593.205	102.229.374.624
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	719.999.999	654.545.455
TỔNG CỘNG	154.008.593.204	102.883.920.079

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	414.005.166	268.518.955
Chiết khấu thanh toán	39.424.929	312.073.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.803.479	10.486.571
TỔNG CỘNG	470.233.574	591.078.550

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	13.568.605.277	11.766.611.339
Chi phí hoa hồng	8.606.697.795	6.653.389.788
Chi phí nhân viên	2.123.325.684	3.378.925.875
Chi phí khác	2.838.581.798	1.734.295.676
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.652.971.294	12.502.937.643
Chi phí nhân viên	5.845.984.956	5.935.970.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.495.025.553	4.738.026.083
Chi phí khấu hao	201.477.000	-
Chi phí dự phòng	75.949.240	-
Chi phí khác	2.034.534.545	1.828.941.234
TỔNG CỘNG	26.221.576.571	24.269.548.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.000.000	10.197.849.672
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.000.000	9.703.069.026
Khác	-	494.780.646
Chi phí khác	509.851.170	-
Chi phí phạt thuế	509.851.170	-
TỔNG CỘNG	(508.851.170)	10.197.849.672

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	126.638.568.849	73.063.039.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.700.034.326	7.539.029.619
Chi phí nhân viên	21.853.803.943	21.721.787.680
Chi phí hoa hồng	8.606.697.795	6.653.389.788
Chi phí khấu hao	3.238.240.699	3.676.049.895
Chi phí khác	9.897.907.472	8.377.953.907
TỔNG CỘNG	177.935.253.084	121.031.250.077

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.932.431.987
Điều chỉnh thuế trích thiếu trong những năm trước	277.905.898	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(36.052.108)	(79.461.067)
TỔNG CỘNG	241.853.790	1.852.970.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.607.725.541)	706.752.141
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(1.321.545.108)	141.350.428
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	288.367.048	182.274.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	36.052.108	79.461.067
Điều chỉnh thuế trích thiếu trong những năm trước	277.905.898	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản lỗ chuyển sang các năm sau	997.125.952	1.529.346.492
Chi phí thuế TNDN	277.905.898	1.932.431.987

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	115.513.175	79.461.067	36.052.108	79.461.067
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	115.513.175	79.461.067		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			36.052.108	79.461.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.4. Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ với tổng giá trị là 12.632.362.223 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7.646.732.461 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND				
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2020
2019	2024	7.646.732.461	-	7.646.732.461
2020	2025	4.985.629.762	-	4.985.629.762
		12.632.362.223	-	12.632.362.223

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 12.632.362.223 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	39.369.377	599.368.224
		Hàng bán trả lại	304.762	15.777.398.373
		Chi trả cổ tức	-	2.319.000.000
		Chi phí thuê quầy tính tiền	475.220.174	1.246.442.767
		Mua công cụ, dụng cụ	-	38.300.000
		Mua nguyên vật liệu	15.011.776	5.774.546
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	4.915.041.520	308.000.000
		Doanh thu bán hàng	60.209.687.200	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Lương và thưởng	<u>1.922.884.581</u>	<u>2.004.312.914</u>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty mẹ	Bán hàng	-	1.674.855.741
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng	5.345.899.130	-
			<u>5.345.899.130</u>	<u>1.674.855.741</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty mẹ	Mua hàng	<u>731.500.000</u>	<u>877.800.000</u>

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>1.209.101.713</u>	<u>1.026.800.915</u>

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có khoản cam kết trị giá 12.525.700.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 12.525.700.000 VND) chủ yếu liên quan đến xây dựng nhà máy phục vụ hoạt động của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại USD	<u>7.719,38</u>	<u>14.268,34</u>

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Hiệp
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 3 năm 2021



Trịnh Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

